

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2022

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Phong

Ông Phạm Văn Vũ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị D, sinh năm 1984 (Chị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Nơi cư trú: 200/3 ấp TA, xã TH, huyện TP, tỉnh BT.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1983 (Anh Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Nơi cư trú: 200/3 ấp TA, xã TH, huyện TP, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2021, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đoàn Thị trình bày:

Vào năm 2018 tôi và anh Đ có quen biết rồi tiến tới hôn nhân, chúng tôi đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hải, ngày 06/10/2004. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống tại xã Thanh Hải. Cuộc sống hôn nhân của tôi và anh Đ hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên không còn hạnh phúc, nguyên nhân là do anh Đ có tình cảm bên ngoài rồi về nhà thường xuyên chửi mắng tôi, tôi đã nhiều lần tha thứ nhưng anh Đ không thay đổi, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến

nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu ly hôn anh Đ. Khi sống chung chúng tôi có 02 con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 02/10/2004 và Nguyễn Đoàn Thiên K, sinh ngày 01/10/2012, 02 cháu đang sống chung với tôi nên tôi yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không có tôi không yêu cầu giải quyết, về nợ chung không có, tôi không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ trình bày:

Về điều kiện thành hôn, con chung như vợ tôi trình bày là đúng. Trước yêu cầu khởi kiện của vợ tôi, tôi không đồng ý tại vì tôi còn thương vợ con nên muốn hàn gắn, khoảng 02 năm nay tôi đi làm xa không có ở nhà nên vợ chồng có bất đồng quan điểm sống, chứ tôi không có chửi mắng hay đánh đập vợ con. Nếu vợ tôi cương quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn nếu vợ tôi chia cho tôi 1/2 số tiền mà vợ tôi ở nhà đã bán thửa đất cha vợ cho sau khi trừ tiền mà vợ tôi đã chuộc lại nhà để ở, tôi không yêu cầu giải quyết căn nhà và thửa đất vợ tôi đã chuộc lại, tôi để cho các con tôi ở trên căn nhà đó, số tiền mà vợ tôi bán đất bao nhiêu, bán cho ai tôi không biết cụ thể do lúc đó tôi phải đi làm xa không có ở nhà. Về nợ chung khi tôi đi làm vợ tôi có kêu tôi vay 30.000.000 đồng để sửa nhà tắm lại thì tôi có vay và gửi về cho vợ 22.000.000 đồng nên tôi yêu cầu vợ tôi có nghĩa vụ trả cho tôi 11.000.00 đồng do tôi chịu trách nhiệm trả khoản nợ trên thay cho vợ tôi. Về con chung con theo ai người đó nuôi không ai cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã hiện tương đối đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị D. Chị D, anh Đ không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên đề nghị không xem xét.

Về con chung: Chị Đoàn Thị D được trực tiếp nuôi 02 cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 02/10/2004 và Nguyễn Đoàn Thiên K, sinh ngày 01/10/2012 (theo nguyện vọng của cháu Q và cháu K). Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị D không có yêu cầu. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Đoàn Thị Diệu yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Quốc Được nên căn cứ vào điều 51 Luật hôn nhân gia đình xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”.

[2] Theo xác nhận của Công an xã Thanh Hải đã xác nhận anh Nguyễn Quốc Được hiện đang cư trú tại xã TH, huyện TP, tỉnh BT. Căn cứ vào Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

[3] Nguyên đơn chị D và bị đơn anh Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D và anh Đ theo qui định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị D và anh Nguyễn Quốc Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Cả hai đều có đủ điều kiện kết hôn và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của chị D Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết anh Đ không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng hàng gần. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của chị D và anh Đ thời gian gần đây có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D trình bày là do bất đồng quan điểm sống, anh Đ có tình cảm bên ngoài rồi về nhà thường xuyên chửi mắng chị. Theo biên bản xác minh ngày 09/3/2022 của Tòa án đối với bà Lương Thị Ngọc G là mẹ ruột anh Đ thì bà G cho biết là giữa chị D và anh Đ cuộc sống hôn nhân gần đây có mâu thuẫn trong cuộc sống nên vợ chồng có lần cãi vã nhau, nhưng anh Đ không có lần nào đánh chị D và hiện tại anh Đ và chị D đã sống ly thân, do chị D không muốn hàn gắn với anh Đ nên cho đến nay anh Đ và chị D vẫn còn mâu thuẫn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh Đ đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ là có căn cứ. Phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị D và anh Đ không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về con chung: Chị D và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 02/10/2004 và Nguyễn Đoàn Thiên K, sinh ngày 01/10/2012. Chị D có yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ lúc chị D và anh Đ sống ly thân cho đến nay, chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, cháu Thiên K và đồng thời cháu Q và cháu Thiên K có nguyện vọng muốn sống với chị D. Do đó, việc chị D có yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc chị D không yêu cầu nghĩa vụ cấp cấp dưỡng nuôi con chung

[6] Về tài sản chung: Chị D trình bày không có tài sản chung. Anh Đ có yêu cầu chị D chia cho anh ½ số tiền mà chị D ở nhà đã bán thửa đất cha chị D cho sau khi trừ tiền do chị D đã chuộc lại nhà để ở, anh không biết bán cho ai và số tiền bán được là bao nhiêu, không yêu cầu chia căn nhà chị D đã chuộc lại. Trong quá trình

giải quyết vụ án Tòa án có thông báo yêu cầu anh Đ nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung, cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh và chị D có tài sản chung là thửa đất do cha chị D cho và hiện nay chị D đã bán thửa đất trên, cung cấp số tiền chị D bán đất nhưng anh Đ không cung cấp được các nội dung trên và cũng không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị D trình bày không có nợ chung. Anh Đ trình bày vợ chồng có nợ chung là 22.000.000 đồng và yêu cầu chị D có nghĩa vụ trả cho anh 11.000.00 đồng do anh chịu trách nhiệm trả khoản nợ trên thay cho chị D. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có thông báo yêu cầu anh Đ nộp đơn yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh anh và chị D có nợ chung là 22.000.000 đồng và anh đang phải trả số nợ trên, cung cấp họ tên và địa chỉ chủ nợ. Nhưng anh Đ không cung cấp được các nội dung trên, chị D không thừa nhận có nợ chung như anh Đ trình bày. Nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này người cho anh Đ, chị D vay tiền có yêu cầu Tòa án giải quyết thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Chị Diệu phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Thị D. Chị D được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Đ.

Chị D, anh Đ không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về con chung: Chị D được trực tiếp nuôi các con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 02/10/2004 và Nguyễn Đoàn Thiên K, sinh ngày 01/10/2012 (theo nguyện vọng của cháu Quyên và cháu K). Ghi nhận việc chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không

trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị D, anh Đ có thể yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Đoàn Thị D phải nộp số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003005 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

6. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã Thạnh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thúy